

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 458 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí “Điều chỉnh quy hoạch phát triển Du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho việc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 5143/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề cương dự án “Điều chỉnh quy hoạch phát triển Du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5070/STC-HCSN ngày 22/12/2015 về việc phê duyệt dự toán “Điều chỉnh quy hoạch phát triển Du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí “Điều chỉnh quy hoạch phát triển Du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” như sau:

1. Tổng số tiền được duyệt: 327.498.000 đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch trong dự toán ngân sách tỉnh.

Điều 2. Căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Văn hóa thể thao và Du lịch có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ “Điều chỉnh Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030”.

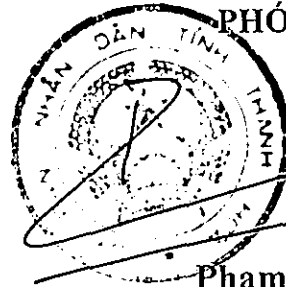
2. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí dự án quy hoạch vào nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch trình UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ctb*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCVP Phạm Nguyên Hồng;
- Lưu: VT, KTTC (HungYT34659).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH
THANH HÓA ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 17/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: 1000đ

TT	Khoản mục chi phí	Thành tiền
	Tổng số = (A+B+C)	327.498
A	Chi phí lập điều chỉnh quy hoạch	246.901
I	Chi phí cho công việc chuẩn bị đề cương, nhiệm vụ và dự toán	6.173
1	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	3.704
2	Chi phí lập dự toán theo đề cương, nhiệm vụ	2.469
II	Chi phí xây dựng quy hoạch	207.397
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	17.283
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	9.876
3	Chi phí khảo sát thực địa	49.380
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	130.858
4.1	<i>Phân tích và dự báo tác động của các yếu tố bên ngoài</i>	2.469
4.2	<i>Phân tích và dự báo tác động của các yếu tố bên trong</i>	7.407
4.3	<i>Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển KT-XH và an ninh quốc phòng</i>	9.876
4.4	<i>Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển</i>	7.407
4.5	<i>Nghiên cứu các phương án về mục tiêu tăng trưởng</i>	14.814
4.6	<i>Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu</i>	49.380
	a) Luận chứng các phương án phát triển	12.345
	b) Xây dựng phương án phát triển, đào tạo nguồn nhân lực	2.469
	c) Xây dựng các phương án và giải pháp phát triển khoa học công nghệ	2.469
	d) Xây dựng các phương án và giải pháp bảo vệ môi trường	3.704
	d) Xây dựng các phương án, tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư	9.876
	e) Xây dựng các chương trình dự án đầu tư trọng điểm	3.704
	g) Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ	7.407
	h) Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương	7.407
4.7	<i>Xây dựng báo cáo tổng hợp và hệ thống các báo cáo liên quan</i>	19.752
	a) Xây dựng báo cáo đề dẫn	2.469
	b) Xây dựng báo cáo tổng hợp	14.814
	c) Xây dựng các báo cáo tóm tắt	1.481
	d) Xây dựng văn bản trình thẩm định	494
	đ) Xây dựng văn bản trình phê duyệt dự án quy hoạch	494
4.8	<i>Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch</i>	19.752
III	Chi phí khác	33.332
1	Chi phí quản lý dự án	9.876
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	3.704
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	11.111
4	Chi phí công bố quy hoạch	8.642
B	Chi phí ngoài dự toán lập điều chỉnh quy hoạch	79.357
1	Chi phí hội họp	
2	Chi phí đi lại, công tác phí	
3	Chi phí điều tra chuyên ngành	
4	Chi phí mua bản đồ	58.000
5	VAT (AI +AII)x 10%	21.357
C	Chi phí thẩm tra quyết toán ((A+B)x 0,38%	1.240